

**TẬP ĐOÀN DỆT MAY VIỆT NAM**  
**TỔNG CÔNG TY CP DỆT MAY HOÀ THỌ**  
☸☸☸

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**ĐỘC LẬP – TỰ DO – HẠNH PHÚC**  
☸☸☸



# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** **KIỂM TOÁN NĂM 2021**





**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2021



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thông tin về Công ty**

**Giấy Chứng nhận**

**Đăng ký Doanh nghiệp số 0400101556**

**ngày 30 tháng 1 năm 2007**

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Tổng Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0400101556 ngày 1 tháng 10 năm 2021. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp.

<b>Hội đồng Quản trị</b>	Ông Nguyễn Đức Trị Ông Phạm Văn Tân Bà Trần Tường Anh Ông Nguyễn Ngọc Bình Ông Lê Quốc Ân Ông Nguyễn Văn Hải	Chủ tịch Thành viên Thành viên Thành viên Thành viên Thành viên
<b>Ban Kiểm soát</b>	Bà Nguyễn Thị Kim Khanh Ông Nguyễn Thanh Sơn Ông Nguyễn Ngọc Cách	Trưởng ban Thành viên Thành viên
<b>Ban điều hành</b>	Ông Nguyễn Văn Hải Bà Hoàng Thùy Oanh Bà Trần Tường Anh Ông Nguyễn Ngọc Bình Bà Trần Thị Hòa Châu Ông Phạm Ngọc Trung Ông Phan Văn Phước Ông Phan Quang Long Ông Nguyễn Phước Hoàng Ông Nguyễn Văn Cường Bà Nguyễn Thị Tường Long	Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Giám đốc điều hành Giám đốc điều hành Giám đốc điều hành Giám đốc điều hành Giám đốc điều hành Kế toán trưởng
<b>Trụ sở đăng ký</b>	36 Phố Ông Ích Đường Phường Hòa Thọ Đông, Quận Cẩm Lệ Thành phố Đà Nẵng Việt Nam	
<b>Công ty kiểm toán</b>	Công ty TNHH KPMG Việt Nam	

TRÁ  
AM




**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Báo cáo của Ban điều hành**

Ban điều hành Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ ("Tổng Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Tổng Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Ban điều hành Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban điều hành Tổng Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 5 đến trang 55 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban điều hành Tổng Công ty cho rằng Tổng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban điều hành Tổng Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

Thay mặt Ban điều hành  
  
Nguyễn Văn Hải  
Tổng Giám đốc

Đà Nẵng, ngày 11 tháng 3 năm 2022

Chứng thực bản sao đúng với bản chính  
Số: 002403 Quyển số: 01/202...SCT/BS  
Ngày 08-06-2023

**PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**



**Trần Thị Bảo Khuyên**





KPMG Limited  
46<sup>th</sup> Floor, Keangnam Landmark 72  
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward  
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam  
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các **Cổ đông**  
**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ ("Tổng Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban điều hành Tổng Công ty phê duyệt phát hành ngày 11 tháng 3 năm 2022, được trình bày từ trang 5 đến trang 55.

### Trách nhiệm của Ban điều hành

Ban điều hành Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban điều hành Tổng Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán cho Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Công ty TNHH KPMG**  
Việt Nam  
Báo cáo kiểm toán số: 21-02-00159-22-2



Đoàn Thanh Toàn  
Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số: 3073-2019-007-1  
Phó Tổng Giám đốc  
Hà Nội, 11 tháng 3 năm 2022

Phạm Thị Thùy Linh  
Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số: 3065-2019-007-1



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021**

**Mẫu B 01 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2021 VND</b>	<b>1/1/2021 VND</b>
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b> (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	<b>100</b>		<b>1.605.615.707.684</b>	<b>963.187.373.809</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>58.586.417.754</b>	<b>44.218.004.444</b>
Tiền	111		50.563.449.704	15.009.004.444
Các khoản tương đương tiền	112		8.022.968.050	29.209.000.000
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>119.955.000.000</b>	<b>24.357.800.000</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6(a)	119.955.000.000	24.357.800.000
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>528.809.007.805</b>	<b>343.222.650.824</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	485.922.363.886	327.938.419.824
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		43.995.355.569	15.160.599.151
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		488.100.000	591.200.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	5.614.168.036	5.974.469.386
Dự phòng phải thu khó đòi	137	9	(7.210.979.686)	(6.477.312.214)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	35.274.677
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>10</b>	<b>857.148.182.643</b>	<b>514.036.868.557</b>
Hàng tồn kho	141		858.059.229.755	519.167.562.134
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(911.047.112)	(5.130.693.577)
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>41.117.099.482</b>	<b>37.352.049.984</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	14(a)	9.655.091.330	8.649.177.117
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		31.462.008.152	28.694.650.370
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	17(a)	-	8.222.497

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này*



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2021 VND</b>	<b>1/1/2021 VND</b>
<b>Tài sản dài hạn</b> (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	<b>200</b>		<b>735.148.924.587</b>	<b>788.049.995.316</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>3.959.430.014</b>	<b>1.165.096.000</b>
Phải thu về cho vay dài hạn	215		994.100.000	710.200.000
Phải thu dài hạn khác	216		2.965.330.014	454.896.000
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>672.855.117.891</b>	<b>737.825.704.383</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	11	670.989.694.477	736.529.984.178
Nguyên giá	222		1.849.460.034.252	1.796.593.958.831
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.178.470.339.775)	(1.060.063.974.653)
Tài sản cố định vô hình	227	12	1.865.423.414	1.295.720.205
Nguyên giá	228		11.203.228.209	11.224.929.405
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(9.337.804.795)	(9.929.209.200)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>14.352.120.576</b>	<b>4.180.723.801</b>
Xây dựng cơ bản dở dang	242	13	14.352.120.576	4.180.723.801
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>16.438.680.283</b>	<b>14.873.729.511</b>
Đầu tư vào các công ty liên kết	252	6(b)	15.192.122.289	13.610.295.734
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	6(b)	7.755.702.000	7.755.702.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	6(b)	(6.509.144.006)	(6.492.268.223)
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>27.543.575.823</b>	<b>30.004.741.621</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	14(b)	27.543.575.823	29.934.698.270
Lợi thế thương mại	269	15	-	70.043.351
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> (270 = 100 + 200)	<b>270</b>		<b>2.340.764.632.271</b>	<b>1.751.237.369.125</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này*



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)**

Mẫu B 01 – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>1.686.965.963.589</b>	<b>1.273.247.562.149</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1.374.869.345.296</b>	<b>946.954.491.262</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	334.619.044.523	216.717.707.406
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		41.751.907.473	34.759.801.430
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17(b)	17.503.233.969	11.277.924.437
Phải trả người lao động	314		328.122.204.212	243.297.137.352
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	4.609.214.726	4.356.215.044
Doanh thu chưa thực hiện – ngắn hạn	318		85.280.315	1.090.909.090
Phải trả ngắn hạn khác	319	19	25.932.598.543	20.644.188.608
Vay ngắn hạn	320	20(a)	553.070.761.077	342.246.816.537
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	40.000.000
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	21	69.175.100.458	72.523.791.358
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>312.096.618.293</b>	<b>326.293.070.887</b>
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		10.740.759.952	10.740.759.952
Vay dài hạn	338	20(b)	301.355.858.341	315.552.310.935
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>653.798.668.682</b>	<b>477.989.806.976</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>22</b>	<b>653.798.668.682</b>	<b>477.989.806.976</b>
Vốn cổ phần	411	23	236.250.000.000	225.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		236.250.000.000	225.000.000.000
Vốn khác của chủ sở hữu	414		1.176.340.000	-
Quỹ đầu tư phát triển	418	24	140.963.518.580	131.581.249.354
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		234.646.810.143	93.703.298.049
- LNST chưa phân phối				
đến cuối năm trước	421a		46.452.467.056	32.966.962.290
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		188.194.343.087	60.736.335.759
Lợi ích cổ động không kiểm soát	429		40.761.999.959	27.705.259.573
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b> (440 = 300 + 400)	<b>440</b>		<b>2.340.764.632.271</b>	<b>1.751.237.369.125</b>

Ngày 11 tháng 3 năm 2022

Người lập:

Đặng Thị Oanh Nữ  
Chuyên viên

Người duyệt:

Nguyễn Thị Tường Long  
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Hải  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**

Mẫu B 02 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2021 VND	2020 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	27	3.863.898.632.011	3.257.213.652.230
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		389.047.465	949.307.105
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>		<b>3.863.509.584.546</b>	<b>3.256.264.345.125</b>
Giá vốn hàng bán	11		3.419.666.898.562	2.992.286.488.413
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>443.842.685.984</b>	<b>263.977.856.712</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	28	39.005.529.724	23.983.157.688
Chi phí tài chính	22	29	28.372.540.293	29.793.279.117
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		17.396.599.401	21.998.913.372
Phần lãi trong công ty liên doanh, liên kết	24		2.867.426.555	2.566.042.261
Chi phí bán hàng	25	30	118.787.387.348	81.032.237.120
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	31	120.010.174.501	109.525.490.949
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26))</b>	<b>30</b>		<b>218.545.540.121</b>	<b>70.176.049.475</b>
Thu nhập khác	31	32	4.495.492.819	2.916.587.176
Chi phí khác	32	33	1.611.265.593	2.973.084.236
<b>Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>2.884.227.226</b>	<b>(56.497.060)</b>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>221.429.767.347</b>	<b>70.119.552.415</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	35	19.977.619.246	7.880.800.255
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51) (chuyển sang trang sau)</b>	<b>60</b>		<b>201.452.148.101</b>	<b>62.238.752.160</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
 (tiếp theo)

Mẫu B 02 – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2021 VND	2020 VND
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51) (tràng trước mang sang)	60		201.452.148.101	62.238.752.160
<b>Phân bổ cho:</b>				
Cổ đông của công ty mẹ	61		188.194.343.087	60.736.335.759
Cổ đông không kiểm soát	62		13.257.805.014	1.502.416.401
				<b>Đã điều chỉnh lại</b>
<b>Lãi trên cổ phiếu</b>				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	36	7.894	2.569

Ngày 11 tháng 3 năm 2022

Người lập:



Đặng Thị Oanh Nữ  
 Chuyên viên

Người duyệt:



Nguyễn Thị Tường Long  
 Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Hải  
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**

(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2021 VND	2020 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
Lợi nhuận trước thuế	01		221.429.767.347	70.119.552.415
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		129.702.381.129	145.811.183.461
Các khoản dự phòng	03		(3.102.978.457)	5.079.855.039
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(2.497.398.004)	329.676.891
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(7.966.946.248)	(5.679.462.983)
Chi phí lãi vay	06		17.396.599.401	21.998.913.372
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>354.961.425.168</b>	<b>237.659.718.195</b>
Biến động các khoản phải thu	09		(192.174.032.356)	(95.813.054.131)
Biến động hàng tồn kho	10		(338.891.667.621)	97.497.855.985
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		226.218.147.614	(40.538.752.206)
Biến động chi phí trả trước	12		1.297.597.782	568.641.759
			<b>51.411.470.587</b>	<b>199.374.409.602</b>
Tiền lãi vay đã trả	14		(17.354.200.327)	(22.055.570.691)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(13.611.111.352)	(6.821.726.215)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		437.134.054	280.116.099
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(6.798.901.349)	(7.402.787.645)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>14.084.391.613</b>	<b>163.374.441.150</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(86.131.195.101)	(105.306.693.834)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		300.454.546	917.603.454
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(209.550.000.000)	(28.305.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24		113.772.000.000	19.550.345.329
Tiền thu lãi cho vay, lãi tiền gửi và cổ tức	27		4.792.878.254	2.196.045.600
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(176.815.862.301)</b>	<b>(110.947.699.451)</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

Mẫu B 03 – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2021 VND	2020 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31		11.250.000.000	-
Tiền thu từ đi vay	33		3.249.426.632.623	2.485.252.609.328
Tiền trả nợ gốc vay	34		(3.049.851.195.697)	(2.467.822.769.452)
Tiền trả cổ tức	36		(33.831.798.500)	(56.058.350.947)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>176.993.638.426</b>	<b>(38.628.511.071)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>14.262.167.738</b>	<b>13.798.230.628</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		44.218.004.444	30.303.763.991
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61		106.245.572	116.009.825
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)</b>	<b>70</b>	<b>5</b>	<b>58.586.417.754</b>	<b>44.218.004.444</b>

Ngày 11 tháng 3 năm 2022

Người lập:



Đặng Thị Oanh Nữ  
Chuyên viên

Người duyệt:



Nguyễn Thị Tường Long  
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Hải  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

**1. Đơn vị báo cáo**

**(a) Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ (“Tổng Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 bao gồm Tổng Công ty và các công ty con và các lợi ích của Tổng Công ty và các công ty con trong các công ty liên kết.

**(b) Hoạt động chính**

Các hoạt động chính của Tổng Công ty và các công ty con là sản xuất kinh doanh, xuất nhập khẩu hàng may mặc, vải, sợi chỉ khâu, các loại thiết bị, nguyên phụ liệu, phụ tùng ngành dệt may.

**(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty và các công ty con nằm trong phạm vi 12 tháng.



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(d) Cấu trúc Tổng Công ty**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Tổng Công ty có các công ty con và công ty liên kết sau:

STT		Tỷ lệ sở hữu của Tổng Công ty		Tỷ lệ biểu quyết của Tổng Công ty	
		31/12/2021	1/1/2021	31/12/2021	1/1/2021
<b>Công ty con</b>					
1	Công ty Cổ phần Thời trang Hòa Thọ	76,88%	76,88%	76,88%	76,88%
2	Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Hội An	54,18%	54,18%	54,18%	54,18%
3	Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Duy Xuyên	81,73%	81,73%	81,73%	81,73%
4	Công ty Cổ phần Sợi Hòa Thọ - Thăng Bình	74,49%	74,49%	74,49%	74,49%
5	Công ty TNHH MTV Cơ khí Xây dựng Hòa Thọ	100%	100%	100%	100%
<b>Công ty liên kết</b>					
1	Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Quảng Nam	32,14%	32,14%	32,14%	32,14%
2	Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Phú Ninh	20,00%	20,00%	20,00%	20,00%

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Tổng Công ty và các công ty con có 9.807 nhân viên (1/1/2021: 9.768 nhân viên).

**2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

**(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

**(c) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty và các công ty con từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

**(d) Đơn vị tiền tệ kế toán**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty và các công ty con là Đồng Việt Nam ("VND"), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Riêng đối với báo cáo bộ phận, Tổng Công ty thực hiện trình bày số liệu làm tròn đến hàng nghìn như Thuyết minh 4.



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty và các công ty con áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

**(a) Cơ sở hợp nhất**

**(i) Công ty con**

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

**(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát**

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

**(iii) Mất quyền kiểm soát**

Khi mất quyền kiểm soát tại một công ty con, Tổng Công ty dừng ghi nhận tài sản và nợ phải trả của công ty con cũng như lợi ích cổ đông không kiểm soát và các cấu phần vốn chủ sở hữu khác trong báo cáo tài chính hợp nhất. Lãi hoặc lỗ phát sinh từ sự kiện này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi thoái vốn, phần lợi ích còn lại trong công ty con trước đó (nếu có) được ghi nhận theo giá trị ghi sổ còn lại của khoản đầu tư trên báo cáo tài chính hợp nhất của công ty mẹ, sau khi được điều chỉnh theo tỷ lệ tương ứng cho những thay đổi trong vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua nếu Tổng Công ty vẫn còn ảnh hưởng đáng kể trong đơn vị nhận đầu tư, hoặc trình bày theo giá gốc của khoản đầu tư còn lại nếu không còn ảnh hưởng đáng kể.

Việc thoái vốn của Tổng Công ty trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tổng Công ty trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu hợp nhất.

**(iv) Công ty liên kết**

Công ty liên kết là những công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể trực tiếp hoặc gián tiếp đến, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, gồm cả chi phí giao dịch. Sau ghi nhận ban đầu, báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tổng Công ty được hưởng trong lãi hoặc lỗ của các công ty liên kết, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tổng Công ty, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể đối với công ty liên kết. Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu cũng được điều chỉnh cho những thay đổi về lợi ích của nhà đầu tư trong đơn vị nhận đầu tư phát sinh từ những thay đổi vốn chủ sở hữu của đơn vị nhận đầu tư mà không phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (như việc đánh giá lại tài sản cố định, hay chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính, v.v...).



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Tổng Công ty phải chia sẽ vượt quá lợi ích của Tổng Công ty trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tổng Công ty có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

**(v) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất**

Các số dư và giao dịch trong nội bộ tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tổng Công ty tại các công ty liên kết này.

**(vi) Hợp nhất kinh doanh**

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát được chuyển giao cho Tổng Công ty. Sự kiểm soát tồn tại khi Tổng Công ty có quyền chi phối trực tiếp hoặc gián tiếp các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Việc đánh giá quyền kiểm soát có xét đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại.

Giá phí hợp nhất kinh doanh (giá phí mua) gồm tổng của giá trị hợp lý, tại ngày trao đổi, của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận, các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Các tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày mua.

Lợi thế thương mại phát sinh thể hiện khoản chênh lệch giữa giá phí mua và lợi ích của Tổng Công ty trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua được ghi nhận vào bảng cân đối kế toán hợp nhất, sau đó được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (xem Thuyết minh 3(k)). Khoản chênh lệch âm (lãi từ giao dịch mua giá rẻ) được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của năm hiện tại sau khi đã tiến hành soát xét lại nhằm đảm bảo việc xác định giá trị của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được, nợ tiềm tàng và việc xác định giá phí hợp nhất kinh doanh đã phản ánh phù hợp với việc cân nhắc tất cả thông tin có tại ngày mua.

**(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty hoặc các công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.





**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(c) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

**(d) Các khoản đầu tư**

**(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban điều hành Tổng Công ty và các công ty con dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(ii) Đầu tư vào các đơn vị khác**

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Tổng công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**(e) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(f) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Tổng Công ty và các công ty con áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(g) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 15 năm
▪ phương tiện vận chuyển	5 – 10 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 5 năm
▪ tài sản khác	2 – 5 năm

**(h) Tài sản cố định vô hình**

***Phần mềm máy vi tính***

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 đến 5 năm.

**(i) Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Tổng công ty và các công ty con không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

**(j) Chi phí trả trước dài hạn**

**(i) Chi phí đất trả trước**

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Tổng Công ty và các công ty con đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo các quy định hiện hành, và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất là 50 năm.



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(ii) Công cụ và dụng cụ**

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tổng Công ty và các công ty con nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

**(iii) Chi phí trả trước dài hạn khác**

Chi phí trả trước dài hạn khác chủ yếu bao gồm các chi phí thuê và sửa chữa cải tạo tài sản. Chi phí trả trước dài hạn khác ban đầu được thể hiện theo nguyên giá, và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 2 đến 3 năm.

**(k) Lợi thế thương mại**

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty con. Lợi thế thương mại được xác định theo giá gốc trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Giá gốc của lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa giá phí mua và lợi ích của Tổng Công ty trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua.

Lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng không quá 10 năm. Giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được ghi giảm xuống bằng giá trị có thể thu hồi khi Ban điều hành xác định khoản lợi thế thương mại không thể thu hồi toàn bộ.

**(l) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

**(m) Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tổng Công ty và các công ty con có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

**(n) Vốn cổ phần**

**Cổ phiếu phổ thông**

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế. Các chi phí đó được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(o) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ hợp nhất của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**(p) Doanh thu và thu nhập khác**

**(i) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá.

**(ii) Doanh thu dịch vụ gia công**

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi hàng hoá được gia công xong và được người mua chấp nhận. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố trọng yếu không chắc chắn liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

**(iii) Thu nhập từ tiền lãi**

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

**(iv) Thu nhập từ cổ tức**

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.





**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(q) Thuê tài sản**

**(i) Tài sản thuê**

Các tài sản thuê theo các hợp đồng thuê của Tổng Công ty được phân loại là thuê hoạt động và không được ghi nhận trên bản cân đối kế toán của Tổng Công ty.

**(ii) Các khoản thanh toán tiền thuê**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

**(r) Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh.

**(s) Lãi trên cổ phiếu**

Tổng Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Tổng Công ty sau khi trừ số phần bỏ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Tại ngày báo cáo và cho năm kết thúc cùng ngày, Tổng Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng và do đó không trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu.

**(t) Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tổng Công ty và các công ty con tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Ban điều hành cho rằng Tổng Công ty và các công ty con hoạt động chủ yếu trong một lĩnh vực kinh doanh duy nhất là buôn bán và cung cấp các sản phẩm và dịch vụ về dệt may.

Bộ phận chia theo vùng địa lý của Tổng Công ty và các công ty con được xác định căn cứ vào quốc gia phát sinh doanh thu. Ban điều hành Tổng Công ty đánh giá khu vực địa lý phát sinh trên 10% tổng doanh thu là một bộ phận cần được báo cáo.

**(u) Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Tổng Công ty và các công ty con nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tổng Công ty và các công ty con và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(v) Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính hợp nhất năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty trong năm trước.

11/12/21  
09  
11/12/21

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**4. Báo cáo bộ phận**

Tổng Công ty và các công ty con có các bộ phận chia theo vùng địa lý, dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

- Trung Quốc
- Hoa Kỳ
- Nhật Bản
- Châu Phi
- Việt Nam
- Thụy Điển
- Vương quốc Anh
- Các vùng địa lý khác

	Trung Quốc Nghìn VND	Hoa Kỳ Nghìn VND	Nhật Bản Nghìn VND	Châu Phi Nghìn VND	Việt Nam Nghìn VND	Thụy Điển Nghìn VND	Vương quốc Anh Nghìn VND	Các vùng địa lý khác Nghìn VND	Hợp nhất Nghìn VND
<b>Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021</b>									
Tổng doanh thu của bộ phận	1.084.625.660	564.999.158	433.361.785	272.058.529	425.305.541	369.810.596	-	713.737.363	3.863.898.632
Kết quả kinh doanh của bộ phận	74.078.466	67.485.515	34.307.693	66.803.115	59.895.680	21.153.984	-	120.118.233	443.842.686
Thu nhập không phân bổ									41.002.579
Chi phí không phân bổ									266.299.725
Kết quả từ các hoạt động kinh doanh									218.545.540
Thu nhập khác									4.495.493
Chi phí khác									1.611.266
Thuế thu nhập doanh nghiệp									19.977.619
Lợi nhuận thuần sau thuế									201.452.148



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Trung Quốc Nghìn VND	Hoa Kỳ Nghìn VND	Nhật Bản Nghìn VND	Châu Phi Nghìn VND	Việt Nam Nghìn VND	Thụy Điển Nghìn VND	Vương quốc Anh Nghìn VND	Các vùng địa lý khác Nghìn VND	Hợp nhất Nghìn VND
<b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021</b>									
Tài sản của bộ phận	157.101.000	164.967.000	16.244.000	29.728.000	22.927.364	9.140.000	-	85.815.000	485.922.364
Tài sản không phân bổ									1.854.842.268
<b>Tổng tài sản</b>									<b>2.340.764.632</b>
Nợ phải trả của bộ phận	16.119.000	25.452.000	-	-	8.060.667	-	-	2.861.000	52.492.667
Các khoản nợ không phân bổ									1.634.473.297
<b>Tổng nợ phải trả</b>									<b>1.686.965.964</b>
<b>Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021</b>									
Chi tiêu vốn									86.131.195
Khấu hao tài sản cố định hữu hình									128.802.431
Khấu hao tài sản cố định vô hình									742.296

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Trung Quốc Nghìn VND	Hoa Kỳ Nghìn VND	Nhật Bản Nghìn VND	Châu Phi Nghìn VND	Việt Nam Nghìn VND	Thụy Điển Nghìn VND	Vương quốc Anh Nghìn VND	Các vùng địa lý khác Nghìn VND	Hợp nhất Nghìn VND
<b>Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020</b>									
Tổng doanh thu của bộ phận	839.318.656	424.617.148	446.620.667	390.198.760	226.428.715	320.899.699	9.854.846	599.275.161	3.257.213.652
Kết quả kinh doanh của bộ phận	53.328.988	50.204.096	31.596.300	33.591.975	19.774.758	18.762.598	432.940	56.286.202	263.977.857
									26.549.200
Thu nhập không phân bổ									220.351.008
Chi phí không phân bổ									
									70.176.049
									2.916.587
Thu nhập khác									2.973.084
Chi phí khác									7.880.800
Thuế thu nhập doanh nghiệp									
									62.238.752
Lợi nhuận thuần sau thuế									





**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Trung Quốc Nghìn VND	Hoa Kỳ Nghìn VND	Nhật Bản Nghìn VND	Châu Phi Nghìn VND	Việt Nam Nghìn VND	Thụy Điển Nghìn VND	Vương quốc Anh Nghìn VND	Các vùng địa lý khác Nghìn VND	Hợp nhất Nghìn VND
<b>Tại ngày 1 tháng 1 năm 2021</b>									
Tài sản của bộ phận Tài sản không phân bổ	93.403.000	103.797.000	27.357.000	29.758.000	22.659.420	1.628.629	-	49.335.371	327.938.420 1.423.298.949
<b>Tổng tài sản</b>									<b>1.751.237.369</b>
Nợ phải trả của bộ phận Các khoản nợ không phân bổ	34.521.000	143.000	-	-	9.327.561	-	-	1.509.000	45.500.561 1.227.747.001
<b>Tổng nợ phải trả</b>									<b>1.273.247.562</b>
<b>Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020</b>									
Chi tiêu vốn									105.306.694
Khấu hao tài sản cố định hữu hình									144.581.908
Khấu hao tài sản cố định vô hình									1.001.578

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**5. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>31/12/2021</b>	<b>1/1/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	117.040.289	135.106.746
Tiền gửi ngân hàng	50.446.409.415	14.873.897.698
Các khoản tương đương tiền	8.022.968.050	29.209.000.000
	<b>58.586.417.754</b>	<b>44.218.004.444</b>

Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng với lãi suất năm là 3% tại các ngân hàng thương mại (1/1/2021: từ 3,5% đến 4,0%).

**6. Các khoản đầu tư tài chính**

**(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	<b>31/12/2021</b>		<b>1/1/2021</b>	
	<b>Giá gốc</b>	<b>Giá trị hợp lý</b>	<b>Giá gốc</b>	<b>Giá trị hợp lý</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền gửi có kỳ hạn	119.955.000.000	119.955.000.000	24.357.800.000	24.357.800.000
	<b>119.955.000.000</b>		<b>24.357.800.000</b>	

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi tại các ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 3 tháng và kỳ hạn còn lại 12 tháng kể từ ngày cuối năm tài chính, với lãi suất năm từ 3,3% đến 5,55% (1/1/2021: từ 4,9% đến 6,9%).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn có giá trị ghi sổ là 30.000 triệu VND (1/1/2021: không có) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay dài hạn (Thuyết minh 20(b)) của Tổng Công ty.



Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ  
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Địa chỉ	31/12/2021					1/1/2021				
		Số lượng cổ phiếu	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng VND	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng VND
<b>Đầu tư góp vốn vào:</b>											
<i>Công ty liên kết</i>											
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Quảng Nam	Quảng Nam	642.800	32,14%	32,14%	15.192.122.289	-	642.800	32,14%	32,14%	13.610.295.734	-
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Phú Ninh	Quảng Nam	400.000	20,00%	20,00%	-	-	400.000	20,00%	20,00%	-	-
					15.192.122.289	-				13.610.295.734	-
<i>Đơn vị khác</i>											
Công ty Cổ phần Bông vải Miền Trung	Khánh Hòa	65.000	7,12%	7,12%	855.702.000	(209.144.006)	65.000	7,12%	7,12%	855.702.000	(192.268.223)
Công ty Cổ phần Bao bì Hòa Thọ Quảng Đà	Quảng Nam	60.000	10,91%	10,91%	600.000.000	-	60.000	10,91%	10,91%	600.000.000	-
Công ty Cổ phần Thương mại Dệt May TP. Hồ Chí Minh	TP. Hồ Chí Minh	630.000	14,00%	14,00%	6.300.000.000	(6.300.000.000)	630.000	14,00%	14,00%	6.300.000.000	(6.300.000.000)
					7.755.702.000	(6.509.144.006)				7.755.702.000	(6.492.268.223)
					22.947.824.289	(6.509.144.006)				21.365.997.734	(6.492.268.223)

Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất do không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

**(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn**

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Haggar Clothing Co.	126.145.167.202	41.683.438.845
Motives International (Hong Kong) Limited	139.699.775.309	78.078.624.227
Supreme International LLC	21.701.889.272	44.510.862.972
Các khách hàng khác	198.375.532.103	163.665.493.780
	<hr/>	<hr/>
	485.922.363.886	327.938.419.824

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, các khoản phải thu khách hàng có giá trị ghi sổ là 24.373 triệu VND (1/1/2021: 23.195 triệu VND) được dùng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn của các công ty con (Thuyết minh 20(a)).

**(b) Phải thu của khách hàng là bên liên quan**

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
<b>Công ty mẹ</b>		
Tập đoàn Dệt May Việt Nam	131.545.680	85.771.834
<b>Công ty liên kết</b>		
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ – Phú Ninh	99.706.524	104.079.250
	<hr/>	<hr/>
	231.252.204	189.851.084

Khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn hoàn trả là 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**8. Phải thu ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2021</b>	<b>1/1/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Kí quỹ, kí cược ngắn hạn	228.866.300	2.971.547.668
Tạm ứng	1.218.142.241	616.621.254
Thuế nhập khẩu tạm nộp	1.190.743.899	-
Phải thu khác	2.976.415.596	2.386.300.464
	<b>5.614.168.036</b>	<b>5.974.469.386</b>

DSM \* CI  
AH \* CA

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**9. Nợ xấu và nợ khó đòi**

	31/12/2021			Giá trị có thể thu hồi VND	Thời gian quá hạn	1/1/2021		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND			Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nợ quá hạn								
Công ty TNHH Dịch vụ - Thương mại Duyên Đạt	Trên 3 năm	5.709.989.346	(5.709.989.346)	-	Trên 3 năm	5.709.989.346	(5.709.989.346)	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phong Phú Sơn Trà (*)	Trên 3 năm	-	-	-	Trên 3 năm	406.124.753	(406.124.753)	-
Công ty TNHH May Phú Tường	Từ 1 năm đến dưới 2 năm	2.880.547.450	(1.440.273.725)	1.440.273.725	Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	1.001.605.000	(300.481.500)	701.123.500
Các khách hàng khác	Trên 3 năm	60.716.615	(60.716.615)	-	Trên 3 năm	60.716.615	(60.716.615)	-
		<u>8.651.253.411</u>	<u>(7.210.979.686)</u>	<u>1.440.273.725</u>		<u>7.178.435.714</u>	<u>(6.477.312.214)</u>	<u>701.123.500</u>

*Trong đó:*

Dự phòng phải thu khó đòi

(7.210.979.686)

(6.477.312.214)

(\*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, khoản phải thu khó đòi từ Công ty Cổ phần Đầu tư Phong Phú Sơn Trà đã bị xóa sổ do không có khả năng thu hồi theo đánh giá của Ban điều hành





**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**10. Hàng tồn kho**

	31/12/2021		1/1/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	143.046.172.229	-	65.810.376.595	-
Nguyên vật liệu	249.105.703.724	-	123.585.974.784	-
Công cụ và dụng cụ	1.045.994.692	-	2.273.738.947	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	373.904.283.135	-	183.730.754.945	-
Thành phẩm	38.848.313.457	(708.667.048)	101.575.566.512	(4.698.180.889)
Hàng hóa	5.264.115.298	(202.380.064)	5.773.108.494	(260.262.823)
Hàng gửi đi bán	46.844.647.220	-	36.418.041.857	(172.249.865)
	<b>858.059.229.755</b>	<b>(911.047.112)</b>	<b>519.167.562.134</b>	<b>(5.130.693.577)</b>

Trong hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 có 2.778 triệu VND (1/1/2021: 22.308 triệu VND) hàng thành phẩm, hàng hóa và hàng gửi đi bán được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, hàng tồn kho có giá trị ghi sổ là 642.813 triệu VND (1/1/2021: 399.024 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn của Tổng Công ty và công ty con (Thuyết minh 20(a)).

11/12  
 11/11  
 11/11  
 11/11  
 11/11

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**11. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng cộng VND
<b>Nguyên giá</b>						
Số dư đầu năm	423.425.543.846	1.209.646.674.997	62.516.673.209	8.359.536.921	92.645.529.858	1.796.593.958.831
Tăng trong năm	326.123.567	23.059.552.351	1.172.560.709	560.636.291	866.717.436	25.985.590.354
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	3.525.697.989	23.289.644.644	8.275.067.062	48.556.200	2.244.846.359	37.383.812.254
Thanh lý	(1.313.916.871)	(6.727.228.709)	(1.788.698.321)	(348.967.314)	(324.515.972)	(10.503.327.187)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>425.963.448.531</b>	<b>1.249.268.643.283</b>	<b>70.175.602.659</b>	<b>8.619.762.098</b>	<b>95.432.577.681</b>	<b>1.849.460.034.252</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu năm	156.424.623.337	789.686.142.738	34.797.622.157	6.917.342.231	72.238.244.190	1.060.063.974.653
Khấu hao trong năm	20.063.897.652	93.881.445.043	6.266.910.405	701.107.112	7.889.071.276	128.802.431.488
Thanh lý	(1.306.980.886)	(6.626.903.873)	(1.788.698.321)	(348.967.314)	(324.515.972)	(10.396.066.366)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>175.181.540.103</b>	<b>876.940.683.908</b>	<b>39.275.834.241</b>	<b>7.269.482.029</b>	<b>79.802.799.494</b>	<b>1.178.470.339.775</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số dư đầu năm	267.000.920.509	419.960.532.259	27.719.051.052	1.442.194.690	20.407.285.668	736.529.984.178
Số dư cuối năm	250.781.908.428	372.327.959.375	30.899.768.418	1.350.280.069	15.629.778.187	670.989.694.477



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 có các tài sản có nguyên giá 675.332 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2021: 584.055 triệu VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 404.751 triệu VND (1/1/2021: 481.319 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay ngắn hạn (Thuyết minh 20(a)) và dài hạn (Thuyết minh 20(b)) của Tổng Công ty và các công ty con.

**12. Tài sản cố định vô hình**

	<b>Phần mềm máy vi tính VND</b>
<b>Nguyên giá</b>	
Số dư đầu năm	11.224.929.405
Tăng trong năm	934.687.900
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang Thanh lý	377.311.147 (1.333.700.243)
Số dư cuối năm	<u>11.203.228.209</u>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Số dư đầu năm	9.929.209.200
Khấu hao trong năm Thanh lý	742.295.838 (1.333.700.243)
Số dư cuối năm	<u>9.337.804.795</u>
<b>Giá trị còn lại</b>	
Số dư đầu năm	1.295.720.205
Số dư cuối năm	<u>1.865.423.414</u>

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá 7.138 triệu VND đã được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 (1/1/2021: 7.674 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**13. Xây dựng cơ bản dở dang**

	2021 VND	2020 VND
Số dư đầu năm	4.180.723.801	35.047.117.854
Tăng trong năm	47.932.520.176	93.291.307.881
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(37.383.812.254)	(124.157.701.934)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(377.311.147)	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>14.352.120.576</b>	<b>4.180.723.801</b>

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Máy móc thiết bị sợi	12.685.845.477	575.750.000
Nhà máy May Triệu Phong	1.333.000	2.363.605.351
Các công trình khác	1.664.942.099	1.241.368.450
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>14.352.120.576</b>	<b>4.180.723.801</b>





Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ  
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
<b>14. Chi phí trả trước</b>		
(a) Chi phí trả trước ngắn hạn		
Trả trước phí bảo hiểm	2.551.628.353	1.779.206.472
Công cụ và dụng cụ	2.985.481.637	3.441.985.406
Chi phí trả trước về thuê hoạt động	592.958.334	742.175.166
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	3.525.023.006	2.685.810.073
	<b>9.655.091.330</b>	<b>8.649.177.117</b>
(b) Chi phí trả trước dài hạn		
Số dư đầu năm	4.015.479.276	29.934.698.270
Tăng trong năm	-	12.751.805.143
Phân bổ trong năm	(87.610.452)	(15.139.196.405)
Thanh lý	-	(3.731.185)
	<b>3.927.868.824</b>	<b>27.543.575.823</b>
Số dư cuối năm	11.417.697.668	12.198.009.331
	<b>27.543.575.823</b>	<b>27.543.575.823</b>

22/12/2021  
KẾ TÍNH  
100

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**15. Lợi thế thương mại**

	VND
<b>Giá gốc</b>	
Số dư đầu năm và cuối năm	1.400.866.953
<b>Giá trị phân bổ lũy kế</b>	
Số dư đầu năm	1.330.823.602
Phân bổ trong năm	70.043.351
Số dư cuối năm	1.400.866.953
<b>Giá trị ghi sổ</b>	
Số dư đầu năm	70.043.351
Số dư cuối năm	-

**16. Phải trả người bán ngắn hạn**

**(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn**

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Hultafors Group AB	44.776.318.875	12.009.223.239
Kwong Lung Enterprise Co., Ltd	36.430.638.305	8.354.163.269
Các nhà cung cấp khác	253.412.087.343	196.354.320.898
	334.619.044.523	216.717.707.406



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hoà Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Phải trả người bán là các bên liên quan**

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
<b>Công ty mẹ</b>		
Tập đoàn Dệt May Việt Nam	16.103.745.493	16.754.023.232
<b>Công ty liên kết</b>		
Công ty Cổ phần May Hoà Thọ - Quảng Nam	8.334.074.082	12.453.389.509
Công ty Cổ phần May Hoà Thọ - Phú Ninh	12.025.365	-
<b>Các bên liên quan khác trong Tập đoàn Dệt May Việt Nam</b>		
Công ty TNHH Coats Phong Phú	2.430.308.000	3.720.306.544
Công ty Cổ phần Dệt May Huế	14.783.300	36.776.600
	26.894.936.240	32.964.495.885

Khoản phải trả thương mại đối với các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

**17. Thuế và các khoản phải thu và phải nộp Nhà nước**

**(a) Thuế và các khoản phải thu Nhà nước**

	1/1/2021 VND	Số phải thu trong năm VND	Số bù trừ trong năm VND	31/12/2021 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.233.501	-	(5.233.501)	-
Thuế thu nhập cá nhân	2.988.996	-	(2.988.996)	-
	8.222.497	-	(8.222.497)	-

12-C  
TY  
HUU  
TG  
15

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(b) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	1/1/2021 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp/bù trừ trong năm VND	31/12/2021 VND
Thuế giá trị gia tăng	8.304.895.932	137.492.306.860	(137.773.441.896)	8.023.760.896
Thuế nhập khẩu	153.955.742	4.505.654.755	(4.452.280.111)	207.330.386
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.718.939.347	19.977.619.246	(13.616.344.853)	9.080.213.740
Thuế thu nhập cá nhân	99.739.416	3.201.322.499	(3.112.487.665)	188.574.250
Các loại thuế khác	394.000	5.008.795.066	(5.005.834.369)	3.354.697
	11.277.924.437	170.185.698.426	(163.960.388.894)	17.503.233.969

**18. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Chi phí hoạt động	2.418.190.333	2.187.848.437
Chi phí lãi vay	376.111.793	333.712.719
Các khoản trích trước khác	1.814.912.600	1.834.653.888
	4.609.214.726	4.356.215.044

**19. Phải trả ngắn hạn khác**

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Kinh phí công đoàn	17.404.033.529	15.406.513.458
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	14.475.299	35.015.894
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	165.000.000	168.706.830
Các khoản thu chi hộ	2.703.517.178	311.000.301
Cổ tức phải trả	984.196.600	985.785.100
Quỹ ái hữu, quỹ tương trợ	832.771.781	763.983.681
Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.828.604.156	2.973.183.344
	25.932.598.543	20.644.188.608



Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ  
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

20. Vay

(a) Vay ngắn hạn

	1/1/2021	Biến động trong năm			31/12/2021
	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện VND	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	293.656.328.905	3.213.176.632.623	(3.000.230.708.066)	297.053.552	506.899.307.014
Vay dài hạn đến hạn trả	48.590.487.632	47.322.034.697	(49.620.487.631)	(120.580.635)	46.171.454.063
	342.246.816.537	3.260.498.667.320	(3.049.851.195.697)	176.472.917	553.070.761.077

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Vay ngân hàng 1 (i)	USD	1,30%	205.675.587.086	110.137.931.723
Vay ngân hàng 2 (i)	USD	1,45% – 1,5%	77.942.926.642	60.270.102.318
Vay ngân hàng 3 (i)	VND	1,56%	37.633.249.507	18.590.292.990
Vay ngân hàng 4 (i)	USD	2,7%	18.266.492.510	23.574.258.147
Vay ngân hàng 5 (i)	USD	1,40%	167.132.051.269	73.124.475.103
Vay ngân hàng 6 (ii)	USD	1,49% – 1,53%	-	7.779.268.624
Vay Ban liên lạc hưu trí (ii)	VND	8,40%	249.000.000	180.000.000
			506.899.307.014	293.656.328.905





**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

- (i) Các khoản vay này được đảm bảo bằng một số các khoản phải thu khách hàng (Thuyết minh 7), hàng tồn kho (Thuyết minh 10) và tài sản cố định của Tổng Công ty và các công ty con (Thuyết minh 11).
- (ii) Các khoản vay này không được đảm bảo.

**(b) Vay dài hạn**

	<b>31/12/2021</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2021</b> <b>VND</b>
Vay dài hạn	347.527.312.404	364.142.798.567
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(46.171.454.063)	(48.590.487.632)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	<u>301.355.858.341</u>	<u>315.552.310.935</u>



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Vay ngân hàng 1 (i)	USD	5,0%	2021	-	629.624.297
Vay ngân hàng 2 (i)	USD	5,0%	2021	-	913.199.685
Vay ngân hàng 3 (i)	USD	4,0%	2021	-	7.265.857.614
Vay ngân hàng 4 (i)	USD	5,0%	2022	5.588.879.756	11.633.967.686
Vay ngân hàng 5 (i)	USD	4,8%	2024	30.000.000.000	-
Vay ngân hàng 6 (i)	VND	5,4%	2025	99.659.602.309	125.493.891.442
Quỹ bảo vệ môi trường (ii)	VND	2,6%	2025	5.270.000.000	-
Kuraray Trading Co., Ltd. (ii)	USD	2,5%	2021	-	4.640.800.000
Tập đoàn Dệt May Việt Nam - Công ty mẹ (iii)	USD	LIBOR + 0,7%	2039	207.008.830.339	213.565.457.843
				<b>347.527.312.404</b>	<b>364.142.798.567</b>

- (i) Các khoản vay ngân hàng được đảm bảo bằng một số tài sản cố định hữu hình và hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn của Tổng Công ty và các công ty con (Thuyết minh 11 và thuyết minh 6(a)).
- (ii) Khoản vay này không được đảm bảo.
- (iii) Đây là khoản vay được Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho vay lại từ nguồn vốn vay của Ngân hàng Phát triển Châu Á (“ADB”) và có hạn mức là 9.042.587 USD.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**21. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng, phúc lợi cho các nhân viên của Tổng Công ty và các công ty con theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Tổng Công ty và các công ty con. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	<b>2021</b> <b>VND</b>	<b>2020</b> <b>VND</b>
Số dư đầu năm	72.523.791.358	70.187.103.088
Trích lập trong năm	3.063.076.395	9.459.359.816
Tăng khác	437.134.054	280.116.099
Sử dụng trong năm	(6.848.901.349)	(7.402.787.645)
Số dư cuối năm	<u>69.175.100.458</u>	<u>72.523.791.358</u>



Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ  
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

22. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2020</b>	225.000.000.000	-	113.283.038.700	116.974.532.760	26.202.843.172	481.460.414.632
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	60.736.335.759	1.502.416.401	62.238.752.160
Phân bổ vào các quỹ	-	-	18.298.210.654	(18.298.210.654)	-	-
Cổ tức (Thuyết minh 25)	-	-	-	(56.250.000.000)	-	(56.250.000.000)
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(9.459.359.816)	-	(9.459.359.816)
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2021</b>	225.000.000.000	-	131.581.249.354	93.703.298.049	27.705.259.573	477.989.806.976
Phát hành cổ phiếu (*)	11.250.000.000	-	-	-	-	11.250.000.000
Trả cổ tức bằng cổ phiếu phát hành của công ty con	-	1.176.340.000	-	(1.176.340.000)	-	-
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	188.194.343.087	13.257.805.014	201.452.148.101
Phân bổ vào các quỹ	-	-	9.382.269.226	(9.382.269.226)	-	-
Cổ tức (Thuyết minh 25)	-	-	-	(33.750.000.000)	(80.210.000)	(33.830.210.000)
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(2.942.221.767)	(120.854.628)	(3.063.076.395)
<b>Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2021</b>	236.250.000.000	1.176.340.000	140.963.518.580	234.646.810.143	40.761.999.959	653.798.668.682

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(\*) Theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên được ghi trong biên bản số 17/BB-DHĐCĐ ngày 17 tháng 4 năm 2021, trong năm 2021, Tổng Công ty đã phát hành 1.125.000 cổ phiếu cho nhân viên với giá phát hành bằng mệnh giá.

### 23. **Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tổng Công ty là:

	31/12/2021		1/1/2021	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
<b>Vốn cổ phần được duyệt</b>	23.625.000	236.250.000.000	22.500.000	225.000.000.000
<b>Vốn cổ phần đã phát hành</b> Cổ phiếu phổ thông	23.625.000	236.250.000.000	22.500.000	225.000.000.000
<b>Số cổ phiếu đang lưu hành</b> Cổ phiếu phổ thông	23.625.000	236.250.000.000	22.500.000	225.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tổng Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tổng Công ty.



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Vốn cổ phần đã phát hành và đang lưu hành của các cổ đông như sau:

	31/12/2021			1/1/2021		
	Đã phát hành và đang lưu hành			Đã phát hành và đang lưu hành		
	Số cổ phiếu	VND	%	Số cổ phiếu	VND	%
Tập đoàn Dệt May Việt Nam	14.615.621	146.156.210.000	61,87%	14.615.621	146.156.210.000	64,96%
Các cổ đông khác	9.009.379	90.093.790.000	38,13%	7.884.379	78.843.790.000	35,04%
	<b>23.625.000</b>	<b>236.250.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>22.500.000</b>	<b>225.000.000.000</b>	<b>100%</b>

Biến động vốn cổ phần trong năm như sau:

	2021		2020	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Số dư đầu năm	22.500.000	225.000.000.000	22.500.000	225.000.000.000
Cổ phiếu phát hành trong năm	1.125.000	11.250.000.000	-	-
Số dư cuối năm	<b>23.625.000</b>	<b>236.250.000.000</b>	<b>22.500.000</b>	<b>225.000.000.000</b>

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**24. Quỹ đầu tư phát triển**

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

**25. Cổ tức**

Tại cuộc họp ngày 17 tháng 4 năm 2021, Đại hội đồng Cổ đông của Tổng Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức bằng tiền trị giá 33.750 triệu VND cho năm 2020, tương đương 15% vốn điều lệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 (2020: 56.250 triệu VND cho năm 2019, tương đương 25% vốn điều lệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2019).

**26. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

**(a) Tài sản thuê ngoài**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Trong vòng một năm	20.540.730.148	23.123.304.931
Trong vòng hai đến năm năm	77.343.171.463	93.210.006.385
Sau năm năm	96.420.735.773	128.208.179.536
	194.304.637.384	244.541.490.852

**(b) Ngoại tệ các loại**

	31/12/2021		1/1/2021	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	436.015	9.853.729.499	255.149	5.870.047.243
EUR	221	5.616.408	221	6.180.872
		9.859.345.907		5.876.228.115



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(c) Cam kết chi tiêu vốn**

Tại ngày báo cáo, Tổng Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán hợp nhất:

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Dã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	31.020.000.000	51.100.000.000

**(d) Nợ khó đòi đã xử lý**

	Nguyên nhân xóa sổ	Năm xóa sổ	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Phong Phú Sơn Trà	Nợ không có khả năng thu hồi	2021	406.124.753	-

**27. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

**28. Doanh thu hoạt động tài chính**

	2021 VND	2020 VND
Lãi tiền gửi và cho vay	4.624.878.254	2.004.045.600
Cổ tức được chia	168.000.000	192.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	31.706.974.093	21.725.995.264
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	2.497.398.004	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	8.279.373	61.116.824
	<b>39.005.529.724</b>	<b>23.983.157.688</b>

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**29. Chi phí tài chính**

	<b>2021</b>	<b>2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí lãi vay	17.396.599.401	21.998.913.372
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	10.959.065.109	7.371.522.739
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	329.676.891
Trích lập dự phòng tổn thất đầu tư	16.875.783	93.166.115
	<b>28.372.540.293</b>	<b>29.793.279.117</b>

**30. Chi phí bán hàng**

	<b>2021</b>	<b>2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nhân viên	5.318.488.165	5.151.533.995
Chi phí vật liệu, bao bì	712.177.753	701.855.060
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	1.749.325.677	653.970.923
Chi phí dịch vụ mua ngoài	99.293.943.923	62.130.360.645
Chi phí khác	11.713.451.830	12.394.516.497
	<b>118.787.387.348</b>	<b>81.032.237.120</b>

**31. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>2021</b>	<b>2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nhân viên	65.452.749.928	55.290.601.365
Chi phí đồ dùng văn phòng	2.768.849.645	3.038.713.840
Chi phí khấu hao tài sản cố định	10.988.009.024	10.600.881.292
Thuế, phí và lệ phí	3.875.697.356	4.046.274.537
Trích lập dự phòng phải thu khó đòi	1.139.792.225	292.981.500
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.639.294.230	16.673.206.816
Chi phí khác	21.145.782.093	19.582.831.599
	<b>120.010.174.501</b>	<b>109.525.490.949</b>



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**32. Thu nhập khác**

	<b>2021</b>	<b>2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi do thanh lý tài sản cố định	306.641.439	917.375.122
Các khoản thu nhập khác	4.188.851.380	1.999.212.054
	<b>4.495.492.819</b>	<b>2.916.587.176</b>

**33. Chi phí khác**

	<b>2021</b>	<b>2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền phạt hợp đồng, chậm nộp thuế	629.154.228	1.989.714.367
Các khoản chi phí khác	982.111.365	983.369.869
	<b>1.611.265.593</b>	<b>2.973.084.236</b>

**34. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố**

	<b>2021</b>	<b>2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	1.915.354.798.927	1.433.887.870.836
Chi phí nhân viên	1.136.679.987.620	947.429.739.396
Chi phí khấu hao và phân bổ	129.702.381.129	145.811.183.461
Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí khác	554.449.185.818	511.194.477.433

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**35. Thuế thu nhập**

**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất**

	2021 VND	2020 VND
<b>Chi phí thuế hiện hành</b>		
Năm hiện hành	19.872.614.961	7.880.800.255
Dự phòng thiếu năm trước	105.004.285	-
	19.977.619.246	7.880.800.255

**(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	2021 VND	2020 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	221.429.767.347	70.119.552.415
Thuế tính theo thuế suất của Tổng Công ty	22.142.976.735	7.011.955.241
Ưu đãi thuế	(3.484.886.499)	-
Ảnh hưởng của các mức thuế suất khác áp dụng cho các công ty con	76.993.534	547.168.029
Ảnh hưởng của mức thuế suất khác áp dụng đối với các khoản thu nhập khác	419.127.223	615.163.969
Chi phí không được khấu trừ thuế	297.582.634	431.456.950
Thu nhập không bị tính thuế	(16.800.000)	(19.200.000)
Giảm thuế (*)	-	(196.814.000)
Chênh lệch tạm thời không được ghi nhận thuế hoãn lại	1.140.175.715	161.235.053
Lỗ tính thuế được sử dụng ở công ty con	(597.974.756)	(427.603.066)
Giảm thuế theo Nghị định 92/2021/NĐ-CP ở công ty con	(104.579.625)	-
Giảm thuế theo Nghị định 114/2020/NĐ-CP ở công ty con	-	(242.561.921)
Dự phòng thiếu năm trước	105.004.285	-
	19.977.619.246	7.880.800.255

(\*) Tổng Công ty được giảm thuế theo quy định tại Điều 21, Thông tư số 78/2014/TT-BTC hướng dẫn thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp. Theo đó, doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, xây dựng, vận tải sử dụng từ 10 đến 100 lao động nữ, trong đó số lao động nữ chiếm trên 50% tổng số lao động có mặt thường xuyên hoặc sử dụng thường xuyên trên 100 lao động nữ mà số lao động nữ chiếm trên 30% tổng số lao động có mặt thường xuyên của doanh nghiệp được giảm thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tương ứng với số tiền thực chi thêm cho lao động nữ.



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(c) Thuế suất áp dụng**

**(i) Đối với Tổng Công ty**

Theo quy định của Luật thuế thu nhập hiện hành, Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 10% trên lợi nhuận tính thuế trong 15 năm tính từ năm 2007 (2007 - 2021) và mức thuế suất thông thường cho những năm tiếp theo. Các quy định hiện hành về thuế cũng cho phép Tổng Công ty được miễn thuế thu nhập trong 4 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (từ năm 2007 đến năm 2010) và giảm 50% thuế thu nhập trong 9 năm tiếp theo (2011 - 2019).

Tất cả các miễn giảm thuế trên sẽ không áp dụng với các khoản thu nhập khác, các khoản thu nhập khác này sẽ chịu thuế suất 20%.

**(ii) Đối với các công ty con**

Công ty Cổ phần Sợi Hòa Thọ – Thăng Bình có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20%. Các quy định hiện hành về thuế cho phép công ty con này được hưởng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 10% trong 15 năm (từ 2016 đến 2030), miễn thuế thu nhập trong 4 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (từ 2018 đến 2021) và giảm 50% thuế thu nhập trong 9 năm tiếp theo (từ 2022 đến 2030).

Các công ty con khác có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20%.

11  
12  
13  
14  
15  
16  
17  
18  
19  
20  
21  
22  
23  
24  
25  
26  
27  
28  
29  
30  
31  
32  
33  
34  
35  
36  
37  
38  
39  
40  
41  
42  
43  
44  
45  
46  
47  
48  
49  
50  
51  
52  
53  
54  
55  
56  
57  
58  
59  
60  
61  
62  
63  
64  
65  
66  
67  
68  
69  
70  
71  
72  
73  
74  
75  
76  
77  
78  
79  
80  
81  
82  
83  
84  
85  
86  
87  
88  
89  
90  
91  
92  
93  
94  
95  
96  
97  
98  
99  
100

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**36. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền tại thời điểm lập báo cáo, chi tiết như sau:

**(a) Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền**

	2021 (Số cổ phiếu)	2020 (Số cổ phiếu)
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành năm trước	22.500.000	22.500.000
Ảnh hưởng của số cổ phiếu phổ thông phát hành trong năm	286.644	-
<b>Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm</b>	<b>22.786.644</b>	<b>22.500.000</b>

**(b) Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 được dựa trên số lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông, sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ báo cáo và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

	2021	2020 Đã điều chỉnh lại
Lợi nhuận thuần trong năm (VND)	188.194.343.087	60.736.335.759
Số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND) (*)	(8.313.655.798)	(2.942.221.767)
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông (VND)	179.880.687.289	57.794.113.992
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm (số cổ phiếu)	22.786.644	22.500.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)</b>	<b>7.894</b>	<b>2.569</b>

(\*) Số dự kiến phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi dựa trên ước tính của Ban Giám đốc Tổng Công ty, căn cứ trên tình hình hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty cho năm 2021.



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(c) Điều chỉnh lại lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**

Tại cuộc họp ngày 17 tháng 4 năm 2021, Đại hội đồng Cổ đông của Tổng Công ty đã thông qua phương án phân phối lợi nhuận của năm 2020. Theo đó, Tổng Công ty đã phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế với số tiền 3.063.076.395 VND. Vì vậy, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông của năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 để tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu bị thay đổi.

Bảng so sánh lãi cơ bản trên cổ phiếu đã trình bày trong năm trước, trước và sau khi được điều chỉnh lại như sau:

	<b>2020</b> <b>(điều chỉnh lại)</b> <b>VND/cổ phiếu</b>	<b>2020</b> <b>(theo báo cáo</b> <b>trước đây)</b> <b>VND/cổ phiếu</b>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.569	2.587

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**37. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất, trong năm Tổng Công ty và các công ty con có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	2021 VND	2020 VND
<b>Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam</b>		
Cổ tức công bố và đã trả	21.923.431.500	36.539.052.500
Bán hàng hóa và dịch vụ	1.756.851.818	5.749.949.819
Mua hàng hóa và dịch vụ	19.359.892.147	20.845.459.612
Chi phí quản lý và lãi vay	3.507.645.104	5.217.602.623
<b>Các công ty liên kết</b>		
<b>Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Phú Ninh</b>		
Bán hàng hóa và dịch vụ	1.279.933.903	1.352.764.328
Mua hàng hóa và dịch vụ	57.881.256.557	50.604.480.429
Doanh thu bán tài sản cố định	113.447.714	-
<b>Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Quảng Nam</b>		
Bán hàng hóa và dịch vụ	531.135.748	451.519.536
Mua hàng hóa và dịch vụ	74.639.037.251	78.314.662.576
Cổ tức nhận được thông qua bù trừ công nợ	1.285.600.000	1.607.000.000
<b>Các công ty liên quan khác trong Tập đoàn Dệt May Việt Nam</b>		
<b>Tổng Công ty May Nhà Bè - CTCP</b>		
Bán hàng hóa và dịch vụ	883.181.123	22.781.193
Mua hàng hóa và dịch vụ	23.452.541	-
<b>Công ty TNHH Coats Phong Phú</b>		
Mua hàng hóa và dịch vụ	20.098.924.252	17.114.492.603
<b>Công ty Cổ phần Dệt May Huế</b>		
Bán hàng hóa và dịch vụ	11.451.354.635	-
Mua hàng hóa và dịch vụ	11.542.612.641	268.384.183
<b>Tổng Giám đốc</b>		
Tiền lương và thưởng	1.314.157.804	1.716.733.178
<b>Thành viên khác trong Ban điều hành</b>		
Tiền lương và thưởng	11.127.071.372	9.230.408.605
<b>Thành viên Ban kiểm soát</b>		
Lương, thưởng và thù lao	463.587.917	418.068.754
<b>Chủ tịch Hội đồng Quản trị</b>		
Lương	1.795.681.779	517.419.864
Thù lao	237.378.222	77.777.777



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	2021 VND	2020 VND
Thành viên 1 của Hội đồng Quản trị Thù lao và thưởng	133.333.334	166.666.668
Thành viên 2 của Hội đồng Quản trị Thù lao	66.666.667	66.666.668
Thành viên 3 của Hội đồng Quản trị Thù lao	66.666.667	66.666.668
Thành viên 4 của Hội đồng Quản trị Thù lao và thưởng	299.999.997	338.888.886
Thành viên 5 của Hội đồng Quản trị Thù lao	66.666.667	33.333.334

**38. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư và tài chính**

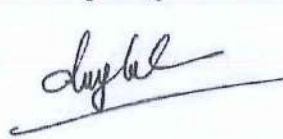
	2021 VND	2020 VND
Chuyển từ quỹ khen thưởng phúc lợi sang vay ngắn hạn	50.000.000	-

**39. Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2021 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Ngày 11 tháng 3 năm 2022

Người lập:



Đặng Thị Oanh Nữ  
Chuyên viên

Người duyệt:



Nguyễn Thị Tường Long  
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Hải  
Tổng Giám đốc

1875  
MAY 10 1875  
MAY 10 1875



